

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÀ BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102 /2019/HSST
Ngày: 18/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Quốc Trung và bà Phạm Thị Nga

Thư ký phiên toà: bà Bùi Thái Bình - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Hoàng Lê Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105 /2019/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: xóm **C**, xã **YP**, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Có bố là Bùi Văn **M** và mẹ là Bùi Thị **H**; Có vợ là Bùi Thị **Ph** và 01 con sinh năm 2015. Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. BÙI VĂN N, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xóm **C**, xã **YP**, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Có bố là Bùi Văn **Nh** và mẹ là Lưu Thị **L**; Có vợ là Bùi Thị **M** và 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017). Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** bà Nguyễn Thị Thu Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 29/6/2019 Bùi Văn T và Bùi Văn N đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình để chăm sóc người nhà đang điều trị tại đây. Khoảng 21 giờ cùng ngày T rủ N mỗi người góp 100.000 đồng để mua ma túy. T cầm tiền, N sử dụng xe mô tô của mình nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, BKS: 28N1-115.63 chở T từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình đến khu vực gần bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hòa Bình. Tại đây cả hai gặp một người đàn ông không quen biết, hỏi và người này cho số điện thoại của một người có tên là L để mua ma túy. T là người trực tiếp trao đổi với L để mua ma túy. Sau đó N chở T đến tầng 4 tòa nhà Dạ Hợp thuộc tổ 05, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình. Đến nơi N đứng đợi ở dưới sân còn T đi lên tầng 4 gặp người tên L mua được một gói ma túy với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được gói ma túy T cất giấu trong túi quần bên trái phía trước đang mặc rồi đi xuống tầng chỗ N đang đứng đợi, cùng lúc này bị tổ công tác Công an thành phố Hòa Bình phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Bản kết luận giám định số: 184/KLGD-CAT-PC09 ngày 05/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: “*Mẫu chất bột dạng cục màu trắng trong phong bì niêm phong gửi giám định có khối lượng 0,13g (Không phải mười ba gam) là ma túy, loại Heroine*”

Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình truy tố Bùi Văn N và Bùi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Ý kiến của người bào chữa: Về tội danh và điều luật áp dụng không có ý kiến gì. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; có nhân thân tốt; cả hai bị cáo là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn; gia đình các bị cáo là người có công với cách mạng. Đề xuất Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo ở mức án thấp nhất.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn án phí hình sự cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều

106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử phạt Bùi Văn T từ 13 đến 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt Bùi Văn N từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số Herôin hoàn trả sau giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP Hòa Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân TP Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi các bị cáo đã thực hiện:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; vật chứng thu được; kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ do đó có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/6/2019 Bùi Văn T và Bùi Văn N đã có hành vi mua, cất giấu 0,13 gam chất ma túy, loại Heroine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Do đó có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, ngoài ra còn là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được việc mua và cất giấu, sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do coi thường pháp luật và để phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện cần áp dụng hình phạt tù tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Để cá thể hóa được hình phạt, Hội đồng xét xử cần đánh giá vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này Bùi Văn T với vai trò là người khởi xướng, cầm tiền và trực tiếp liên lạc thực hiện việc mua ma túy, còn đối với Bùi Văn N sau khi được T rủ rê đã đồng ý góp tiền và dùng xe mô tô của mình để chở T đi mua ma túy. Như vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo N.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn hối cải. Gia đình các bị cáo đều là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được áp dụng khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4] Về hành vi của những cá nhân khác trong vụ án:

Đối với người đàn ông tên **L** mà bị cáo **T** khai mua mua túy tại khu vực tòa nhà Dạ Hợp thuộc tổ 05, phường Tân Thịnh, do không xác định được lý lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo, còn lại sau khi giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, BKS:28N1-115.63 mà bị cáo **N** dùng để chở **T** đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã xác định là tài sản chung của gia đình bị cáo **N**, do vậy đã trả chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp, nên Tòa không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Gia đình các bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bùi Văn **T** và Bùi Văn **N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Bùi Văn **T** 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2019.

- Xử phạt Bùi Văn **N** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định đã được niêm phong trong 01 phong bì. (Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án

dân sự thành phố Hòa Bình có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 12/BB ngày 11/11/2019)

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn N.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPHB;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Trường Sơn